

Bản án số: **92/2025/HSST**
Ngày: 20/09/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

2. Ông **Nguyễn Văn Khanh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Hà** – Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 -Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2025/HSST ngày 04 tháng 09 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN HỮU N; giới tính: nam; sinh năm 1972; Tên gọi khác: không; Quê quán: xã Đ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Nơi thường trú: Tổ dân phố đường X, huyện Gia Lâm (nay là xã Gia Lâm), thành phố Hà Nội; chỗ ở: số D, huyện Gia Lâm (nay là xã Gia Lâm), Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hữu X (đã chết) và con bà Lê Thị T, sinh năm 1949; có vợ là Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1976 (đã ly hôn năm 2020); có 2 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2007); Theo danh chỉ bản số 669 ngày 22/04/2025 do Phân trại tạm giam Khu vực Gia Lâm – Công an thành phố Hà Nội lập, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị bắt tạm giam ngày 21/04/2025, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

2. HÀ THỊ Q; giới tính: nữ; sinh năm 1984; Tên gọi khác: không; HKTT và chỗ ở: xóm Đình, thôn T, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì (nay là phường Thanh Liệt), Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hà Như T (đã chết) và con bà Trần Thị Thom, sinh năm 1962; có chồng là Dương Xuân H (đã chết; có 2 con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007); Theo danh chỉ bản số 668 ngày 22/04/2025 do Phân trại tạm giam Khu vực Gia Lâm – Công an thành phố Hà Nội lập, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị bắt tạm giam ngày 21/04/2025, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** C ty TNHH thương mại vận tải A, địa chỉ: số L, quận Ba Đình, Hà Nội do ông Vũ Đình Lý – Giám đốc đại diện theo pháp luật. *Người đại diện theo uỷ*

quyền của bị hại: bà Bùi Thị Pg, sinh năm 1983, trú tại: số N, quận Hà Đông, Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi liên quan:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987; trú tại: C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình) là chủ cửa hàng cầm đồ có địa chỉ tại số M, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội (nay là phường Từ Liêm, Hà Nội) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Gia Lâm (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội) tiếp nhận đơn trình báo của ông Vũ Đình Lý - Giám đốc, đại diện pháp luật của C ty TNHH thương mại vận tải A, địa chỉ: số 30 ngách 189/105 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (gọi tắt là C ty A) tố cáo Nguyễn HỮU N là Giám đốc C ty TNHH F&H Việt Hàn, có địa chỉ: số 2, ngõ 533, đường Nguyễn Bình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS: 29E-003.88 thông qua hình thức thuê xe ô tô. Quá trình điều tra làm rõ nội dung vụ án như sau:

Năm 2023, C ty TNHH F&H Việt Hàn, có địa chỉ tại số 2, ngõ 533, đường Nguyễn Bình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm do Nguyễn HỮU N làm Giám đốc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh, nợ tiền thuê kho xưởng và nợ tiền C nhân. Khi đó, Hà Thị Q là kế toán C ty và Nguyễn HỮU N đã bàn bạc thống nhất với nhau thuê xe ô tô tự lái rồi mang đi cầm cố lấy tiền để trả tiền thuê kho xưởng, trả tiền C nhân và chi tiêu khác. Ngày 13/4/2023, Q sử dụng tài khoản Facebook mang tên “Ha Quynh” đăng nhập vào ứng dụng Facebook đăng bài cần tìm thuê xe ô tô tự lái, sau đó có tài khoản tên “Bui Phuong” là của chị Bùi Thị Pg, sinh năm 1983; trú tại số 21A Hoàng Hoa Thám, phường Hà Đông, Hà Nội - là đại diện C ty A) có gửi thông tin, hình ảnh xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios BKS: 29E – 003.88 cùng giấy tờ xe cho Q để tham khảo. Sau đó, Q và chị Pg có kết bạn zalo thỏa thuận thống nhất Q thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios mang BKS: 29E - 00388, số khung: RL4B28F30N5166758, số máy: 2NRX887164 với giá thuê là 10.500.000 đồng/4500km/01 tháng, nếu vượt 4500km sẽ tính chi phí phát sinh là 1.500đ/km. Q và Nam đặt cọc 01 tháng tiền thuê xe là 10.500.000 đồng. Thời hạn thuê chiếc xe ô tô trên là 03 năm từ tháng 04/2023 đến tháng 04/2026. Do không biết phía bên C ty A bàn giao xe có bàn giao giấy tờ xe bản chính hay bản phô tô C chứng, vì việc cầm cố xe ô tô bắt buộc phải có giấy tờ bản chính, đăng ký xe mang tên C ty và giấy ủy quyền của C ty. Q đã tìm kiếm trên mạng xã hội và liên hệ với tài khoản Facebook tên “Dịch vụ toàn quốc 001” và thuê người này làm giả Giấy ủy quyền và đăng ký xe ô tô BKS: 29E – 003.88. Ngày 14/4/2023, C ty A cử nhân viên là anh Đinh Tấn Tùng đến C ty TNHH F&H Việt Hàn tại số 2, ngõ 533, đường Nguyễn Bình, xã Dương Xá bàn giao xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios BKS: 29E – 00388, anh Tùng có cầm Hợp đồng thuê xe cùng giấy tờ xe đưa cho Nam và Q, trong Hợp đồng thuê xe số 02 ngày 14/4/2023 đã có chữ ký của ông Vũ Đình Lý - Giám đốc và đóng dấu đỏ của C ty A ở mục “BÊN CHO THUÊ (BÊN A). Hợp đồng đó được Nam ký tên giám đốc và

đóng dấu đỏ C ty TNHH F&H Việt Hàn ở mục “BÊN THUÊ (BÊN B)”. Sau đó, Q và Nam yêu cầu anh Tùng điều khiển xe ô tô đến xưởng sản xuất của C ty TNHH F&H Việt Hàn, địa chỉ tại: đường 387 Nhân Vinh, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên để bàn giao xe. Tại đây, Q và Nam đã nhận: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios BKS: 29E – 003.88, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29296672 cấp ngày 15/9/2022 xe ô tô BKS: 29E – 003.88 mang tên C ty A, 01 Giấy kiểm định xe ô tô số EA0664301 ngày 15/9/2022, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số DK22/0019361 (tất cả đều là bản chính). Khi nhận được xe, do phía C ty A đã bàn giao cả giấy tờ bản chính nên Q liên hệ với tài khoản Facebook “Dịch vụ toàn quốc 001” và kết bạn zalo số điện thoại 0384324746, Q gửi hình ảnh hợp đồng thuê xe giữa C ty Ấn Quang và C ty TNHH F&H Việt Hàn cho chủ tài khoản Facebook trên và thỏa thuận thống nhất thuê người này làm Giấy ủy quyền giả của C ty A có nội dung: “C ty TNHH TMVT A ủy quyền cho ông Nguyễn HỮU N sử dụng chiếc xe ô tô BKS: 29E – 003.88 phục vụ cho C việc và giao dịch” với giá 700.000 đồng. Hình thức thanh toán là thông qua các dịch vụ chuyển phát nhanh và thanh toán tiền mặt cho nhân viên giao hàng.

Chiều ngày 14/4/2023, nhân viên chuyển phát nhanh có giao cho Q Giấy ủy quyền giả mà Q đã đặt mua và Q đã thanh toán 700.000 đồng cho nhân viên giao hàng. Sau đó Q đưa Giấy ủy quyền giả trên cho Nam, Nam xem nội dung và ký vào mục Bên được ủy quyền với mục đích đầy đủ giấy tờ để mang đi cầm cố chiếc xe ô tô trên.

Ngày 15/4/2023, Q sử dụng tài khoản Zalo tên “Chuột” liên hệ với Nguyễn Văn C, sinh năm 1987, trú tại: Xóm 5, Thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là chủ cửa hàng cầm đồ, có địa chỉ tại số 218 Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội hỏi thủ tục cầm cố xe ô tô trên, Q đã chụp ảnh toàn bộ giấy tờ bản chính của xe do C ty A bàn giao cùng với Giấy ủy quyền giả gửi qua tài khoản zalo cho C. Sau đó, Q bảo Nam mang xe ô tô đến cửa hàng cầm đồ của C ở Mỹ Đình làm thủ tục cầm cố. C gửi định vị cửa hàng cho Q, Q gửi lại cho Nam để Nam mang xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios BKS: 29E – 003.88 và giấy tờ đến cầm cố (bao gồm cả Giấy ủy quyền giả). Khi Nam đi xe ô tô sang gặp C thì C đồng ý cho cầm cố chiếc xe ô tô trên với số tiền 180.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng. Sau đó, Nam và C đã hoàn tất các thủ tục cầm cố và C chuyển số tiền 170.280.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số: 0945435055 mang tên Hà Thị Q mở tại ngân hàng MBBank. Số tiền còn lại là 9.720.000 đồng là C cắt lại lãi suất và tiền lưu gửi chiếc xe ô tô trên. Tại hợp đồng cầm đồ, Q và Nam thống nhất với C là cầm cố chiếc xe ô tô trên trong thời hạn 01 tháng từ ngày 15/4/2023 đến 15/5/2023 nếu quá hạn hoặc không đóng tiền lãi theo đúng quy định thì C có quyền phát mãi chiếc xe ô tô trên. Trong suốt thời gian cầm cố chiếc xe ô tô trên thì Q và Nam chưa trả số tiền lãi cho C nên C đã tháo định vị của xe ô tô ra để sử dụng đi lại. Đối với Hợp đồng cầm đồ ngày 15/04/2023, Nam về có đưa cho Q nhưng sau đó Q đã làm thất lạc hiện không tìm thấy. Toàn bộ số tiền 170.280.000 đồng, Q và Nam đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân đến nay đã hết.

Đến tháng 9 năm 2024, anh C cho anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1983; địa chỉ: xã Hồng Phú, huyện Chương Mỹ, Hà Nội mượn chiếc xe ô tô trên sử dụng vào mục đích đi lại. Khoảng 02/10/2023, chị Bùi Thị Pg thấy mất định vị GPS trên xe ô tô

nhãn hiệu TOYOTA Vios BKS: 29E – 003.88 đã cho thuê nên có gọi điện cho Q để hỏi về chiếc xe. Ban đầu Q trả lời chị Pg là xe đang C tác trong Nghệ An bị mất sóng nên không hiển thị định vị. Lần thứ hai, khi chị Pg hỏi thì Q trả lời xe đang bị nhân viên mang đi cầm cố, đang chờ để đi chuộc. Đến 15/11/2023, Nam và Q liên hệ với C ty A báo quá trình sử dụng xe ô tô đã bị mất ở Nghệ An và muốn bồi thường cho C ty bằng hình thức mua lại chiếc xe ô tô. Các thông tin này thực tế đều là các thông tin không đúng sự thật, Q và Nam đưa ra là để chống chế với các thắc mắc của chị Pg. Sau khi được chị Pg đồng ý, Nam đã đại diện C ty Việt Hàn ký kết bản phụ lục hợp đồng và biên bản xác nhận nợ với C ty A số tiền mua lại chiếc xe ô tô trên với giá 490.000.000 đồng và Nam phải thanh toán toàn bộ số tiền trên trước ngày 20/12/2023. Do Q và Nam không thanh toán đúng thời hạn và đủ số tiền thuê xe theo hợp đồng nên hai bên đã tiếp tục lập Biên bản xác nhận nợ ngày 01/12/2023 thống nhất tính đến ngày 30/11/2023, Nam còn nợ C ty A số tiền như sau: Tiền thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios BKS: 29E – 003.88 là 62.234.000 đồng; Tiền mua lại xe VIOS do làm mất là 490.000.000 đồng; Tổng số tiền là: 552.234.000 đồng. Thanh toán nợ trước ngày 01/01/2024.

Ngày 12/01/2025, Cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lâm đã ra Quyết định truy tìm Vật số 82/QĐ-TT đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios BKS: 29E – 003.88, số khung: RL4B28F30N5166758, số máy: 2NRX887164.

Bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 19/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Gia Lâm, kết luận: xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios màu nâu vàng, BKS: 29E-003.88, số khung: RL4B28F30N5166758, số máy: 2NRX887164 đăng ký ngày 15/9/2022, đã qua sử dụng, thời điểm xảy ra vụ việc ngày 14/4/2023 có giá trị 410.000.000 đồng.

Ngày 18/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm đã thu giữ của anh Nguyễn Ngọc Q các tài sản, đồ vật, tài liệu gồm: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 1.5E-CVT màu nâu vàng, biển kiểm soát: 29E-003.88, số khung: RL4B28F30N5166758; số máy: 2NRX887164 xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29296672 do Phòng Cảnh sát giao thông – CATP.Hà Nội cấp ngày 15/09/2022; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số EB0585997 do Trung tâm đăng kiểm XCG 29-01S cấp ngày 21/09/2024; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số DK24/0293700.

Ngày 21/02/2025, anh Nguyễn Văn C đã giao nộp cho Cơ quan điều tra: Giấy ủy quyền đề ngày 14/4/2023 của C ty TNHH thương mại vận tải A ủy quyền cho ông Nguyễn HỮU N sử dụng chiếc xe VIOS BKS: 29E-003.88 (có dấu tròn của “ C TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI A, chữ ký Vũ Đình Lý - Giám đốc là Giấy giả mà Nam đưa cho C để cầm cố xe ô tô).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 690/QĐ-ĐCSKT ngày 26/02/2025 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) – Công an thành phố Hà Nội tiến hành giám định chữ ký, con dấu tròn trên Giấy ủy quyền đề ngày 14/4/2023 với nội dung C ty A ủy quyền cho ông Nguyễn HỮU N sử dụng chiếc xe VIOS BKS: 29E-003.88 phục vụ cho C việc và giao dịch, xử lý các vấn đề liên quan đến chiếc xe trên.

Bản kết luận giám định số 1617/KL-KTHS ngày 04/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự, kết luận:

1. Hình dấu tròn “C TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI A” trên mẫu so sánh ký hiệu M1 **không đóng ra** hình dấu tròn “C TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A. Hình dấu tròn “C TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A **được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.**

2. Hình dấu chức danh, tên “GIÁM ĐỐC Vũ Đình Lý” trên mẫu so sánh ký hiệu M1 **không đóng ra** hình dấu, tên “GIÁM ĐỐC Vũ Đình Lý” trên mẫu cần giám định ký hiệu A. Hình dấu chức danh, tên “GIÁM ĐỐC Vũ Đình Lý” trên mẫu cần giám định ký hiệu A **được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.**

3. Người có mẫu chữ ký đứng tên Vũ Đình Lý trên mẫu so sánh ký hiệu M1 **không ký ra** chữ ký đứng tên Vũ Đình Lý trên mẫu cần giám định ký hiệu A1. Chữ ký đứng tên Vũ Đình Lý trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 **được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.**

4. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn HỮU N (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn HỮU N trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M4 **là chữ do cùng một người ký và viết ra.**

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 569/QĐ-ĐCSKT ngày 19/02/2025 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự (PC09)-Công an thành phố Hà Nội tiến hành giám định số khung, số máy đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 1.5E-CVT màu nâu vàng, BKS: 29E – 003.88, số khung: RL4B28F30N5166758, số máy: 2NRX887164.

Bản kết luận giám định số 1483/KL-KTHS ngày 25/02/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự, kết luận: xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS màu nâu vàng đeo BKS: 29E – 003.88 có số khung: RL4B28F30N5166758 và số máy: 2NRX887164 là số nguyên thủy.

Ngày 18/2/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập Hà Thị Q và Nguyễn HỮU N để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Q và Nam đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hà Thị Q đã liên hệ với tài khoản Facebook tên “Dịch vụ toàn quốc 001” và thuê người này làm giả *Giấy ủy quyền* *đề ngày 14/4/2023 với nội dung C ty TNHH thương mại vận tải A ủy quyền cho Nguyễn HỮU N được giao dịch, xử lý các vấn đề liên quan đến chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios BKS: 29E – 003.88* . Sau đó Q đưa cho Nguyễn HỮU N ký vào giấy ủy quyền này ở mục Bên được ủy quyền và Nam đã sử dụng giấy ủy quyền giả này vào việc cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios BKS: 29E-003.88 đã thuê của C ty A. Mặc dù, Nam khai là không biết nguồn gốc của giấy ủy quyền giả đó như thế nào nhưng khi Q đưa cho Nam giấy ủy quyền thì Nam có xem qua nội dung của giấy ủy quyền và không có thắc mắc gì với Q; Nam cũng khai là Q có nói với Nam là bên cầm đồ yêu cầu cần phải có giấy ủy quyền này mới nhận cầm cố. Khi đó Q bảo Nam ký ghi rõ họ tên vào bên được ủy quyền và Nam đã ký; Ngoài ra, Nam và Q đã bàn nhau mục đích thuê xe để đi cầm cố và Nam là người ký Hợp đồng thuê xe với C ty A; Trong hợp đồng thuê xe đã đưa ra

mục đích gian dối là thuê xe để sử dụng đi lại. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên buộc Nam phải nhận thức được giấy ủy quyền giả mà Q đưa. Như vậy, hành vi nêu trên của Nguyễn HỮU N đã cấu thành tội “sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu đen số IMEI: 357226097620603; lắp số sim: 0345120784 đã qua sử dụng của Hà Thị Q.

Ngày 18/4/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 3007/LPT-CSKT đối với: tài khoản số 0945435055 tại Ngân hàng TMCP Quân đội và tài khoản số 03579541301 tại Ngân hàng TMCP Tiên phong của Hà Thị Q. Ngân hàng TMCP Quân đội cung cấp thời điểm 14 giờ 30 phút ngày 21/4/2025 số tiền có trong tài khoản là 0 đồng (Biên bản phong tỏa tài khoản ngày 21/4/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội). Ngân hàng TMCP Tiên phong cung cấp: ngày 22/4/2025 ngân hàng đã phong tỏa số tiền 93.748 đồng trong tài khoản số 03579541301 (văn bản số 917-1/2025/CV-TPB.LC ngày 25/4/2025 của Ngân hàng TMCP Tiên phong). Ngày 18/4/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Hà Nội đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 3008/LPT-CSKT đối với: tài khoản số 5066888666 tại Ngân hàng TMCP Quân đội mang tên C ty TNHH F và H Việt Hàn do Nguyễn HỮU N làm giám đốc và tài khoản số 1091000002090 tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam của Nguyễn HỮU N. Ngân hàng TMCP Quân đội cung cấp thời điểm 14h40 phút ngày 21/4/2025 số tiền có trong tài khoản là 86.711 đồng (Biên bản phong tỏa tài khoản ngày 21/4/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Hà Nội). Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam cung cấp hồi 10 giờ 17 phút ngày 25/04/2025 ngân hàng đã phong tỏa số tiền 690.461 đồng trong tài khoản số 1091000002090 (Văn bản số 299/CV-VCB.PYE.KT ngày 25/4/2025 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định xử lý vật chứng số C2962/QĐ-CSKT ngày 17/6/2025 và số C3151/QĐ-CSKT ngày 20/6/2025 trả lại cho chủ sở hữu là C ty A; MST: 0109881726; địa chỉ: số 30 ngách 189/105 Hoàng Hoa Thám, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội. Chị Bùi Thị Pg - là người được Giám đốc C ty A ủy quyền theo Giấy ủy quyền đã nhận đầy đủ đồ vật, tài liệu, tài sản gồm 01 chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA Vios 1.5E-CVT màu nâu vàng, biển kiểm soát 29E-003.88, số khung RL4B 28F30N5166758; số máy: 2NRX887164 xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29296672 do Phòng Cảnh sát giao thông – CATP.Hà Nội cấp ngày 15/09/2022; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số EB0585997 do Trung tâm đăng kiểm XCG 29-01S cấp ngày 21/09/2024; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số DK24/0293700.

Đối với Nguyễn Văn C khi nhận cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 1.5E-CVT màu nâu vàng, biển kiểm soát 29E-003.88 từ Hà Thị Q và Nguyễn HỮU N với số tiền là 180.000.000 đồng, C không biết chiếc xe ô tô trên là tài sản do Q và Nam phạm tội mà có, không biết tờ Giấy ủy quyền mà Q và Nam cung cấp cho

là giấy ủy quyền giả. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP. Hà Nội không có hình thức xử lý đối với C là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Ngọc Q, ngày 18/2/2025, anh Q là người sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 1.5E-CVT màu nâu vàng, biển kiểm soát: 29E-003.88 được C cho mượn để sử dụng, anh Q không biết và không có liên quan gì đến các hành vi phạm tội của Hà Thị Q và Nguyễn HỮU N, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội không có hình thức xử lý Nguyễn Ngọc Q là có căn cứ.

Đối với người nhận làm Giấy ủy quyền giả cho Hà Thị Q, theo Hà Thị Q khai về việc người nhận làm Giấy ủy quyền giả cho Q sử dụng tài khoản Facebook ‘Dịch vụ toàn quốc 001’, số điện thoại 0384324746. Qua xác minh và xác định chủ thuê bao số điện thoại 0384324746 là: Nguyễn Long Thế Phong; sinh năm 1993; nơi thường trú: tổ 7, ấp 7, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai). Nguyễn Long Thế Phong khai nhận chỉ sử dụng 02 số điện thoại là 0345895037 và 0332921110, 01 tài khoản zalo “Nguyễn Phong” số điện thoại đăng ký là 0345895037, Phong không đăng ký sử dụng số điện thoại 0384324746 và tài khoản Facebook ‘Dịch vụ toàn quốc 001’. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội không có căn cứ để xử lý.

Về phần dân sự: Chị Bùi Thị Pg đại diện theo ủy quyền của C ty TNHH thương mại vận tải A yêu cầu Q và Nam phải bồi thường dân sự số tiền là 150.000.000 đồng là tiền thuê xe 15 tháng từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2025.

Anh Nguyễn Văn C yêu cầu Q và Nam phải bồi thường dân sự số tiền là 270.000.000 đồng, bao gồm: 180.000.000 đồng là tiền vay cầm cố xe, 90.000.000 đồng là tiền lãi phải trả từ tháng 05 năm 2023 đến nay.

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKSKV5 ngày 29/08/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Hà Nội truy tố Hà Thị Q tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo Nguyễn HỮU N bị truy tố tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Q và Nam khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do không hiểu biết pháp luật, kinh doanh thua lỗ sợ bị đòi nợ nên đã làm liều.

Bị hại - C ty TNHH thương mại vận tải A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cơ quan điều tra. C ty đã được nhận lại chiếc xe ô tô Vios bị Q và Nam lừa đảo nhưng chưa được các bị cáo trả số tiền 150.000.000 đồng là tiền thuê xe ô tô Vios 15 tháng từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 02 năm 2025. Ông Vũ Đình Lý có đơn xin vắng mặt và ủy quyền cho bà Bùi Thị Pg tham gia tố tụng tại Tòa án, C ty TNHH thương mại vận tải A không xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 150.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan - anh Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cơ quan điều tra. Anh C yêu cầu Hà Thị Q và Nguyễn HỮU N phải liên đới bồi thường dân sự số tiền là 270.000.000 đồng, bao

gồm 180.000.000 đồng là tiền vay cầm cố xe và 90.000.000 đồng là tiền lãi phải trả từ tháng 5 năm 2023 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Hà Thị Q xử phạt bị cáo Hà Thị Q từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù đối với tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 2 tội là 12 năm 06 tháng đến 13 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn HỮU N xử phạt bị cáo Nguyễn HỮU N từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng đối với tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 2 tội là 11 năm đến 12 năm tù;

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung C 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu đen số IMEI: 357226097620603; lắp số sim: 0345120784 đã qua sử dụng của thu giữ của Q do sử dụng vào việc phạm tội.

- Về dân sự: trước khi mở phiên tòa, các bị hại gồm:

+ C ty TNHH thương mại vận tải A do chị Bùi Thị Pg (đại diện theo ủy quyền của) có đơn yêu cầu Q và Nam phải bồi thường dân sự số tiền là 150.000.000 đồng là tiền thuê xe 15 tháng từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2025. Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 1.5E-CVT màu nâu vàng, biển kiểm soát: 29E-003.88 C ty TNHH thương mại vận tải A đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì khác về phần thiệt hại của xe.

+ Anh Nguyễn Văn C yêu cầu Hà Thị Q và Nguyễn HỮU N phải bồi thường dân sự số tiền là 270.000.000 đồng, bao gồm: 180.000.000 đồng là tiền vay cầm cố xe, 90.000.000 đồng là tiền lãi phải trả từ tháng 12/2023 đến nay.

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về hoà nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Thị Q và Nguyễn HỮU N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ, từ đó đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/4/2023 tại xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội (*nay là xã Gia Lâm, Hà Nội*) các bị cáo Hà Thị Q và Nguyễn HỮU N đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 1.5E-CVT màu nâu vàng, biển kiểm soát: 29E-003.88 của C ty TNHH thương mại vận tải A (thông qua việc ký kết Hợp đồng thuê xe số: 02HĐTX/2023/AQ giữa C ty TNHH thương mại vận tải A và C ty TNHH F&H Việt Hàn) với trị giá là 410.000.000 đồng.

Sau đó, Hà Thị Q đã cung cấp hợp đồng thuê xe giữa C ty A và C ty TNHH F&H Việt Hàn thông qua mạng xã hội để làm giả một giấy ủy quyền của C ty TNHH thương mại vận tải A để Nguyễn HỮU N ký vào Giấy ủy quyền giả ở mục bên được ủy quyền. Ngày 15/4/2023, Nguyễn HỮU N đã sử dụng giấy ủy quyền giả để thực hiện việc cầm cố xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios, biển kiểm soát: 29E-003.88 cho anh Nguyễn Văn C lấy tiền chi tiêu. Đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo Hà Thị Q là người khởi xướng còn bị cáo Nguyễn HỮU N là người thực hành tích cực.

Hành vi của bị cáo **Hà Thị Q** đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Bị cáo **Nguyễn HỮU N** đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội truy tố bị cáo Hà Thị Q và bị cáo Nguyễn HỮU N về các tội danh và điều luật như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Trong vụ án này, bị cáo Q là người trực tiếp nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản và là người khởi xướng, làm giấy tờ giả để thực hiện hành vi lừa đảo chót lọt nên bị cáo giữ vai trò chính. Bị cáo Nam biết việc lừa đảo của Q sẽ gây thiệt hại về tài sản cho người khác, không ngăn cản mà còn tích cực thực hiện. Việc Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo gây mất trật tự, an ninh xã hội, vi phạm đạo đức, lối sống, văn hóa của con người. Vì vậy cần phải được xử lý bằng một bản án hình sự của Nhà nước mới có tác dụng giáo dục các bị cáo nói riêng cũng như trong việc đấu tranh đối với loại tội phạm này nói chung.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios BKS: 29E – 003.88, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29296672 cấp ngày 15/9/2022 mang tên C ty A, C ty A đã được nhận lại xe và yêu cầu bị cáo Hà Thị Q và Nguyễn HỮU N phải bồi thường cho

C ty A số tiền 150.000.000 đồng tiền thuê xe 15 tháng từ tháng 12/2023 đến tháng 2/2025. Nam và Q đồng ý bồi thường cho C ty A số tiền nêu trên.

Trước khi Toà án mở phiên toà, người có quyền lợi liên anh anh Nguyễn Văn C có yêu cầu bị cáo Hà Thị Q và Nguyễn HỮU N phải bồi thường số tiền 270.000.000 đồng là số tiền 180.000.000 đồng vay cầm cố xe và 90.000.000 đồng là tiền lãi phải trả từ tháng 05/2023 đến nay. Nam và Q đồng ý bồi thường cho anh C số tiền nêu trên.

- **Xét hành vi của bị cáo Hà Thị Q**, tại phiên toà, bị cáo Q khai nhận: do làm ăn thua lỗ nên cần tiền trả lương nhân viên và tiền thuê kho xưởng cho Nam nên đã nảy sinh ý tưởng lừa đảo để chiếm đoạt xe ô tô. Sau đó được chị Pg cung cấp giấy tờ xe để sử dụng theo hợp đồng thuê xe đã ký thì Q đã cung cấp hình ảnh, thông tin thuê người làm giả 01 Giấy uỷ quyền của C ty TNHH thương mại vận tải A để làm thủ tục vay cầm cố xe ô tô của anh Nguyễn Văn C, sau đó không có khả năng thanh toán thì bị phát hiện. Bị cáo làm giả giấy tờ của tổ chức, cá nhân khác để cầm cố xe ô tô vay tiền nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của C ty A. Quá trình thuê xe ô tô và vay tiền bị cáo không có khả năng trả tiền cho các bị hại. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng, Kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và cung cấp hình ảnh, thông tin thuê người làm giả giấy tờ uỷ quyền của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của C dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội; xâm phạm trật tự quản lý hành chính, làm giả tài liệu do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp để thực hiện hành vi trái pháp luật, ảnh hưởng đến tính an toàn của hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, do đó cần thiết phải có hình phạt tù đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- **Xét hành vi của bị cáo Nguyễn HỮU N**, bị cáo là người trưởng thành, biết rõ việc Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng khi được Q rủ lừa lấy tài sản của người khác đã không can ngăn mà còn giúp sức rất tích cực. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở, tin tưởng của bị hại trong quản lý tài sản nên đã thực hiện hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và sử dụng giấy tờ giả mạo do Q cung cấp để mang tài sản đi thế chấp vay tiền gây thiệt hại cho các bị hại. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của C dân được pháp luật bảo vệ; xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sử dụng tài liệu giả do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp để thực hiện hành vi trái pháp luật, ảnh hưởng đến tính an toàn của hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, do đó cần thiết phải có hình phạt tù đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Qua phần thẩm vấn và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hiểu biết pháp luật, do không kiềm chế ham muốn kiếm tiền bất chính, không bằng C sức lao động của bản thân nên đã có hành vi phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo bị truy tố theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, ngoài ra không có tình tiết tăng nặng nào khác theo khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại tuy nhiên bị hại vẫn yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi chiếm đoạt tài sản gây ra, bị hại không có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; người liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên khi xem xét hình phạt Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trước khi mở phiên tòa, anh Nguyễn Văn C yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 270.000.000 đồng và C ty TNHH Thương mại Vận tải A yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng các bị cáo chưa bồi thường. Xét yêu cầu bồi thường của bị hại và người liên quan là chính đáng nên được chấp nhận. Buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn C số tiền 270.000.000 đồng và bồi thường cho C ty TNHH Thương mại Vận tải A số tiền 150.000.000 đồng.

C ty TNHH Thương mại Vận tải A đã được nhận lại chiếc xe bị chiếm đoạt và yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền thuê xe 15 tháng từ tháng 12/2023 đến tháng 2/2025 là 150.000.000 đồng. Việc C ty A yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền thuê xe là 150.000.000 đồng thì Hội đồng xét xử thấy: tài sản bị lừa đảo đã được thu hồi trả cho bị hại, do các bị cáo chiếm đoạt tài sản nên gây thiệt hại cho bị hại do không có tài sản để cho thuê nên bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường là đúng. Các bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho C ty A, như vậy thấy cần buộc các bị cáo phải bồi thường tiền thuê xe cho C ty A là 150.000.000 đồng. Chia đôi mỗi bị cáo chịu trách nhiệm $\frac{1}{2}$, cụ thể: Bị cáo Q chịu trách nhiệm bồi thường 75.000.000 đồng; Bị cáo Nam chịu trách nhiệm bồi thường 75.000.000 đồng.

Các bị cáo sau khi chiếm đoạt được xe đã mang chiếc xe trên đi cầm cố vay tiền của anh C tổng số tiền 180.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả là 90.000.000 đồng, anh C chưa được các bị cáo trả tiền gốc cho vay và tiền lãi, các bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền 270.000.000 đồng cho anh C. Chia đôi mỗi bị cáo chịu trách nhiệm $\frac{1}{2}$, cụ thể: Bị cáo Q chịu trách nhiệm bồi thường 135.000.000 đồng; Bị cáo Nam chịu trách nhiệm bồi thường 135.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung C 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu đen số IMEI: 357226097620603; lắp số sim: 0345120784 đã qua sử dụng của thu giữ của Q do sử dụng vào việc phạm tội.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

- Bị cáo **Hà Thị Q** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Bị cáo **Nguyễn HỮU N** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Điều luật áp dụng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hà Thị Q và bị cáo Nguyễn HỮU N;

- **Xử phạt bị cáo:** Hà Thị Q **07 (Bảy) năm 09 (chín) tháng tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **03 (Ba) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Hà Thị Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **11 (Mười một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/04/2025.

- **Xử phạt bị cáo:** Nguyễn HỮU N **07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **03 (Ba) năm tù** về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn HỮU N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **10 (Mười) năm 06 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/04/2025.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung C 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu đen số IMEI: 357226097620603; lắp số sim: 0345120784 đã qua sử dụng của thu giữ của Hà Thị Q do sử dụng vào việc phạm tội.

5. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589, Điều 590 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Tòa án nhân dân Tối cao: Buộc bị cáo Hà Thị Q và bị cáo Nguyễn HỮU N phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn C số tiền 270.000.000 đồng; Buộc bị cáo Hà Thị Q và bị cáo Nguyễn HỮU N phải liên đới bồi thường cho C ty TNHH thương mại vận tải A do bà Bùi Thị Pg; sinh năm 1983; HKTT: số 21 Hoàng Hoa Thám, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội là đại diện theo ủy quyền số tiền 150.000.000 đồng.

Chia đôi mỗi bị cáo phải bồi thường 135.000.000 đồng cho anh C và 75.000.000 đồng cho C ty A. Tổng cộng: Bị cáo Q phải bồi thường 210.000.000 đồng và bị cáo Nam phải bồi thường 210.000.000 đồng.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Hà Thị Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ và 10.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn HỮU N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ và 10.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

+ Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

+ Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh